

XII. UNG BƯỚU

TT	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
		3			
1	2	A	B	C	D
	A. ĐẦU-CỔ				
1.	Nút động mạch để điều trị u máu và các u khác ở vùng đầu và hàm mặt	x			
2.	Cắt các loại u vùng da đầu, cổ có đường kính dưới 5 cm	x	x	x	
3.	Cắt các loại u vùng da đầu, cổ có đường kính 5 đến 10 cm	x	x		
4.	Cắt các loại u vùng da đầu, cổ có đường kính trên 10 cm	x	x		
5.	Cắt các loại u vùng da đầu, cổ phức tạp	x			
6.	Cắt các loại u vùng mặt có đường kính dưới 5 cm	x	x		
7.	Cắt các loại u vùng mặt có đường kính 5 đến 10 cm	x	x		
8.	Cắt các loại u vùng mặt có đường kính trên 10 cm	x	x		
9.	Cắt các loại u vùng mặt phức tạp	x			
10.	Cắt các u lành vùng cổ	x	x	x	
11.	Cắt các u lành tuyến giáp	x	x	x	
12.	Cắt các u nang giáp móng	x	x	x	
13.	Cắt các u nang mang	x	x		
14.	Cắt các u ác tuyến mang tai	x	x		
15.	Cắt các u ác tuyến giáp	x	x		
16.	Cắt các u ác tuyến dưới hàm	x	x		
	B. THẦN KINH SỌ NÃO, CỘT SỐNG				
17.	Điều trị các khối u sọ não và một số bệnh lý thần kinh sọ não bằng dao Gamma	x	x		
18.	Phẫu thuật u di căn lên não dưới kỹ thuật định vị	x	x		
19.	Phẫu thuật cắt u màng não, não đơn giản dưới kỹ thuật định vị	x	x		
20.	Cắt u sọ hầu	x	x		
21.	Cắt u vùng hố yên	x	x		
22.	Cắt u hố sau u thùy Vermis	x	x		
23.	Cắt u hố sau u góc cầu tiểu não	x	x		
24.	Cắt u hố sau u tiểu não	x	x		
25.	Cắt u hố sau u nguyên bào mạch máu	x	x		
26.	Cắt u màng não nền sọ	x	x		
27.	Cắt u não vùng hố sau	x	x		
28.	Cắt u liềm não	x	x		
29.	Cắt u lều tiểu não	x	x		
30.	Cắt u não cạnh đường giữa	x	x		
31.	Cắt u góc cầu tiểu não qua đường mê nhĩ	x	x		
32.	Cắt u não thất	x	x		

33.	Cắt u bán cầu đại não	x	x		
34.	Cắt u tủy cổ cao	x	x		
35.	Cắt u tủy	x	x		
36.	Cắt u máu tủy sống, dị dạng động tĩnh mạch trong tủy	x	x		
37.	Cắt u vùng hang và u mạch não	x	x		
38.	Cắt cột tủy sống trong u tủy	x	x		
39.	Cắt u vùng đuôi ngựa	x	x		
40.	Cắt u dây thần kinh trong và ngoài tủy	x	x		
41.	Cắt u đốt sống ngoài màng cứng	x	x		
42.	Phẫu thuật dị dạng lạc chỗ tế bào thần kinh Hamartome	x	x		
43.	Quang động học (PTD) trong điều trị u não ác tính	x	x		
44.	Cắt u dây thần kinh ngoại biên	x	x		
	C. HÂM - MẶT				
45.	Cắt u cơ vùng hàm mặt	x	x		
46.	Cắt u vùng hàm mặt đơn giản	x	x		
47.	Cắt u vùng hàm mặt phức tạp	x	x		
48.	Cắt ung thư vùng hàm mặt có nạo vét hạch dưới hàm và hạch cổ	x	x		
49.	Cắt ung thư vùng hàm mặt có nạo vét hạch dưới hàm, hạch cổ và tạo hình bằng vật tại chỗ	x	x		
50.	Cắt ung thư vùng hàm mặt có nạo vét hạch dưới hàm, hạch cổ và tạo hình bằng vật từ xa	x	x		
51.	Cắt ung thư hàm trên kèm hố mắt và xương gò má	x	x		
52.	Cắt ung thư hàm trên, hàm dưới kèm vét hạch, tạo hình bằng vật da, cơ	x	x		
53.	Cắt ung thư niêm mạc miệng và tạo hình bằng vật tại chỗ	x	x		
54.	Cắt ung thư niêm mạc miệng và tạo hình bằng ghép da hoặc niêm mạc	x	x		
55.	Cắt u máu – bạch mạch vùng hàm mặt	x	x		
56.	Cắt u mạch máu lớn vùng hàm mặt, khi cắt bỏ kèm thắt động mạch cảnh 1 hay 2 bên	x	x		
57.	Cắt u mạch máu lớn trên 10 cm vùng sàn miệng, dưới hàm, cạnh cổ	x	x		
58.	Tiêm xơ điều trị u máu vùng hàm mặt	x	x		
59.	Tiêm xơ điều trị u bạch mạch vùng hàm mặt	x	x		
60.	Tiêm xơ chữa u máu trong xương hàm	x	x		
61.	Tiêm xơ chữa u máu, bạch mạch lưới, sàn miệng dưới hàm, cạnh cổ...	x	x	x	
62.	Cắt u sắc tố vùng hàm mặt	x	x		
63.	Cắt ung thư da vùng hàm mặt và tạo hình bằng vật tại chỗ	x	x		
64.	Cắt nang vùng sàn miệng	x	x		
65.	Cắt nang vùng sàn miệng và tuyền nước bọt dưới hàm	x	x		
66.	Cắt chậu sàn miệng, tạo hình và vét hạch cổ	x	x		

67.	Cắt ung thư vòm khẩu cái, tạo hình	x	x		
68.	Cắt u xơ vùng hàm mặt đường kính dưới 3 cm	x	x	x	
69.	Cắt u xơ vùng hàm mặt đường kính trên 3 cm	x	x		
70.	Cắt nang răng đường kính dưới 2 cm	x	x	x	
71.	Cắt bỏ nang xương hàm dưới 2 cm	x	x	x	
72.	Cắt bỏ nang xương hàm từ 2-5 cm	x	x		
73.	Cắt nang xương hàm khó	x	x		
74.	Cắt u nang men răng, ghép xương	x	x		
75.	Cắt bỏ u xương thái dương	x	x		
76.	Cắt bỏ u xương thái dương - tạo hình vạt da cơ	x	x		
77.	Cắt u môi lạnh tính có tạo hình	x	x		
78.	Cắt ung thư môi có tạo hình đường kính dưới 5 cm	x	x		
79.	Cắt ung thư môi có tạo hình đường kính trên 5 cm	x	x		
80.	Cắt u thần kinh vùng hàm mặt	x	x		
81.	Cắt u dây thần kinh số VIII	x	x		
82.	Cắt toàn bộ tuyến mang tai bảo tồn dây thần kinh VII	x	x		
83.	Cắt u lợi đường kính dưới hoặc bằng 2cm	x	x		
84.	Cắt u lợi đường kính 2 cm trở lên	x	x		
85.	Cắt toàn bộ u lợi 1 hàm	x	x		
86.	Cắt u tuyến nước bọt dưới hàm	x	x		
87.	Cắt u tuyến nước bọt dưới lưỡi	x	x		
88.	Cắt u tuyến nước bọt phụ	x	x		
89.	Cắt u tuyến nước bọt mang tai	x	x		
90.	Cắt bỏ u lạnh tính vùng tuyến nước bọt mang tai hoặc dưới hàm trên 5 cm	x	x		
91.	Cắt u mỡ, u bã đậu vùng hàm mặt đường kính trên 5 cm	x	x		
92.	Cắt u mỡ, u bã đậu vùng hàm mặt đường kính dưới 5 cm	x	x	x	
93.	Vết hạch cổ bảo tồn	x	x		
94.	Vết hạch cổ, truyền hoá chất động mạch cảnh	x	x		
95.	Vết hạch dưới hàm đặt catheter động mạch lưỡi để truyền hoá chất	x	x		
	D. MẮT				
96.	Cắt u nội nhãn	x	x		
97.	Cắt u mi cả bề dày không vá	x	x		
98.	Cắt u mi ghép niêm mạc cứng của vòm miệng và chuyển vạt da	x	x		
99.	Cắt u hốc mắt bên và sau nhãn cầu có mở xương hốc mắt	x	x		
100.	Cắt u hốc mắt bằng đường xuyên sọ	x	x		
101.					
102.	Cắt u da mi có trượt lông mi, vạt da, hay ghép da	x	x		
103.	Cắt u mi cả bề dày ghép sụn kết mạc và chuyển vạt da	x	x		
104.	Cắt ung thư da vùng mi mắt trên và tạo hình	x	x		
105.	Cắt ung thư da vùng mi mắt dưới và tạo hình	x	x		

106.	Cắt u kết mạc, giác mạc không vỏ	x	x		
107.	Cắt u kết mạc không vá	x	x		
108.	Cắt u kết mạc, giác mạc có ghép kết mạc, màng ối hoặc giác mạc	x	x		
109.	Cắt u tiền phòng	x	x		
110.	Cắt u hốc mắt không mở xương hốc mắt	x	x		
111.	Cắt ung thư hố mắt đã xâm lấn các xoang: xoang hàm, xoang sàng ...	x	x		
112.	Nạo vét tổ chức hốc mắt	x	x		
	Đ. TAI - MŨI - HỌNG				
113.	Cắt u xơ vòm mũi họng	x	x		
114.	Mở đường dưới thái dương (Ugo-Fish) lấy khối u xơ vòm mũi họng	x	x		
115.	Cắt u họng - thanh quản bằng laser	x	x		
116.	Cắt hạ họng bán phần	x	x		
117.	Cắt u thành họng bên có nạo hoặc không nạo hạch cổ	x	x		
118.	Cắt u vùng họng miệng có tạo hình	x	x		
119.	Cắt toàn bộ hạ họng-thực quản, tái tạo ống họng thực quản bằng dạ dày-ruột	x	x		
120.	Cắt u thành bên họng	x	x		
121.	Cắt u thành sau họng	x	x		
122.	Cắt u thành bên lan lên đáy sọ	x	x		
123.	Cắt u khoang bên họng lan đáy sọ	x	x		
124.	Cắt khối u vùng họng miệng bằng laser	x	x		
125.	Cắt u lành tính dây thanh	x	x		
126.	Cắt u lành tính thanh quản	x	x		
127.	Cắt u nhú thanh quản bằng laser	x	x		
128.	Cắt u lành thanh quản bằng laser	x	x		
129.	Cắt ung thư thanh quản, hạ họng bằng laser	x	x		
130.	Cắt thanh quản bán phần	x	x		
131.	Cắt toàn bộ thanh quản và một phần họng có vét hạch hệ thống	x	x		
132.	Phẫu thuật ung thư thanh môn có bảo tồn thanh quản	x	x		
133.	Rút ống nông thanh khí quản - cắt tổ chức sùi thanh khí quản	x	x		
134.	Cắt u hạ họng qua đường cổ bên	x	x		
135.	Cắt u lưỡi lành tính	x	x		
136.	Cắt ung thư lưỡi và tạo hình tại chỗ	x	x		
137.	Cắt một nửa lưỡi + vét hạch cổ	x	x		
138.	Cắt bán phần lưỡi có tạo hình bằng vật cân cơ	x	x		
139.	Cắt ung thư lưỡi - sàn miệng, nạo vét hạch và tạo hình bằng vật từ xa	x	x		
140.	Cắt ung thư lưỡi, nạo vét hạch và tạo hình bằng vật từ xa	x	x		
141.	Cắt khối u khẩu cái	x	x		
142.	Cắt bỏ khối u màn hầu	x	x		
143.	Cắt u màn hầu có tạo hình vật cân cơ niêm mạc	x	x		

144.	Cắt ung thư sàng hàm	x	x		
145.	Phẫu thuật u sàng hàm lan đáy sọ phối hợp đường cạnh mũi và đường Bicoronal	x	x		
146.	Cắt ung thư tai-xương chũm và nạo vét hạch	x	x		
147.	Cắt u amidan	x	x		
148.	Cắt bỏ ung thư Amydan và nạo vét hạch cổ	x	x		
149.	Cắt lạnh u máu hạ thanh môn	x	x		
150.	Cắt lạnh u máu vùng tai mũi họng	x	x		
151.	Cắt u cuộn cảnh	x	x		
152.	Cắt u dây thần kinh VIII	x	x		
153.	Cắt u tuyến mang tai bảo tồn dây thần kinh VII	x	x		
154.	Cắt, nạo vét hạch cổ tiết căn				
155.	Lấy hạch cổ chọn lọc hoặc vét hạch cổ bảo tồn 1 bên	x	x		
156.	Lấy hạch cổ chọn lọc hoặc vét hạch cổ bảo tồn 2 bên	x	x		
157.	Cắt u nhái sàn miệng	x	x		
158.	Phẫu thuật mô u nang sàn mũi	x	x		
159.	Phẫu thuật cạnh mũi lấy u hốc mũi	x	x		
160.	Tạo hình cánh mũi do ung thư	x	x		
161.	Cắt polyp ống tai	x	x	x	
162.	Cắt polyp mũi	x	x	x	
163.	Cắt u xương ống tai ngoài	x	x		
164.	Khí dung vòm họng trong điều trị ung thư vòm	x	x		
165.	Súc rửa vòm họng trong xạ trị	x	x		
	E. LỒNG NGỰC - TIM MẠCH - PHỔI				
166.	Mở lồng ngực thăm dò, sinh thiết	x	x		
167.	Cắt u xương sườn 1 xương	x	x		
168.	Phẫu thuật cắt u sụn phế quản	x	x		
169.	Phẫu thuật bóc kén màng phổi	x	x		
170.	Phẫu thuật bóc kén trong nhu mô phổi	x	x		
171.	Phẫu thuật cắt kén khí phổi	x	x		
172.	Phẫu thuật bóc u thành ngực	x	x		
173.	Cắt u xương sườn nhiều xương	x	x		
174.	Cắt khối u cơ tim	x	x		
175.	Cắt u nhày tim	x	x		
176.	Cắt u màng tim	x	x		
177.	Phẫu thuật cắt kén màng tim	x	x		
178.	Cắt u nang phổi hoặc u nang phế quản	x	x		
179.	Cắt một thùy kèm cắt một phân thùy điển hình do ung thư	x	x		
180.	Cắt thùy phổi, phần phổi còn lại	x	x		
181.	Cắt một bên phổi do ung thư	x	x		
182.	Cắt một thùy phổi hoặc một phân thùy phổi do ung thư	x	x		
183.	Cắt 2 thùy phổi 2 bên lồng ngực trong một phẫu thuật	x	x		
184.	Cắt thùy phổi hoặc cắt một bên phổi kèm vét hạch trung thất	x	x		
185.	Cắt thùy phổi hoặc cắt một bên phổi kèm một mảng	x	x		

	thành ngực				
186.	Cắt phổi và màng phổi	x	x		
187.	Cắt phổi không điển hình do ung thư	x	x		
188.	Cắt u trung thất	x	x		
189.	Cắt u trung thất vừa và nhỏ lệch 1 bên lồng ngực	x	x		
190.	Cắt u máu, u bạch huyết thành ngực đường kính dưới 5 cm	x	x	x	
191.	Cắt u máu, u bạch huyết thành ngực đường kính 5 - 10 cm	x	x		
192.	Cắt u máu hay bạch mạch vùng cổ, vùng trên xương đòn, vùng nách xâm lấn các mạch máu lớn	x	x		
193.	Cắt u máu, u bạch huyết trong lồng ngực đường kính trên 10cm				
194.	Phẫu thuật vét hạch nách	x	x		
	G. TIÊU HOÁ - BỤNG				
195.	Cắt u lành thực quản	x	x		
196.	Tạo hình thực quản (do ung thư & bệnh lành tính)	x	x		
197.	Cắt bỏ thực quản có hay không kèm các tạng khác, tạo hình ngay	x	x		
198.	Cắt bỏ thực quản ngực, tạo hình thực quản bằng ống dạ dày (Phẫu thuật Lewis-Santý hoặc phẫu thuật Akiyama)	x	x		
199.	Cắt dạ dày do ung thư	x	x		
200.	Cắt bán phần hoặc gần toàn bộ dạ dày cực dưới do ung thư kèm vét hạch hệ thống D1 hoặc D2	x	x		
201.	Cắt toàn bộ dạ dày do ung thư và vét hạch hệ thống	x	x		
202.	Cắt toàn bộ dạ dày do ung thư tạo hình bằng đoạn ruột non	x	x		
203.	Mở thông dạ dày ra da do ung thư	x	x	x	
204.	Các phẫu thuật điều trị ung thư tá tràng	x	x		
205.	Cắt toàn bộ đại tràng do ung thư và vét hạch hệ thống	x	x		
206.	Cắt lại đại tràng do ung thư	x	x		
207.	Cắt đoạn đại tràng, làm hậu môn nhân tạo có hoặc không vét hạch hệ thống	x	x		
208.	Cắt đoạn đại tràng ngang, đại tràng sigma do ung thư có hoặc không vét hạch hệ thống nối ngay	x	x		
209.	Cắt một nửa đại tràng phải, trái do ung thư kèm vét hạch hệ thống	x	x		
210.	Cắt u trực tràng ống hậu môn đường dưới	x	x		
211.	Cắt đoạn trực tràng do ung thư, cắt toàn bộ mạc treo trực tràng (TME).	x	x		
212.	Cắt cắt trực tràng đường bụng, đường tầng sinh môn	x	x		
213.	Cắt trực tràng giữ lại cơ tròn	x	x		
214.	Cắt từ 3 tạng trở lên trong điều trị ung thư tiêu hoá	x	x		
215.	Làm hậu môn nhân tạo				
216.	Cắt u sau phúc mạc	x	x		
217.	Cắt u mạc treo có cắt ruột	x	x		

218.	Cắt u mạc treo không cắt ruột	x	x	x	
219.	Phẫu thuật lấy bỏ mạc nối lớn, phúc mạc	x	x		
	H. GAN - MẬT - TUY				
220.	Cắt gan phải do ung thư	x			
221.	Cắt gan trái do ung thư	x	x		
222.	Cắt phân thủy gan	x	x		
223.	Cắt gan phải mở rộng do ung thư	x			
224.	Cắt gan trái mở rộng do ung thư	x			
225.	Cắt gan không điển hình-Cắt gan lớn do ung thư	x			
226.	Cắt gan không điển hình-Cắt gan nhỏ do ung thư	x	x		
227.	Cắt chỏm nang gan bằng nội soi hay mở bụng	x	x		
228.	Cắt gan có phối hợp đốt nhiệt cao tần trên đường cắt gan	x			
229.	Đốt nhiệt sóng cao tần điều trị ung thư gan	x	x		
230.	Đốt nhiệt cao tần điều trị ung thư gan qua hướng dẫn của siêu âm, qua phẫu thuật nội soi	x			
231.	Nút mạch hoá chất điều trị ung thư gan (TOCE)	x	x		
232.	Tiêm cồn tuyệt đối vào u gan qua siêu âm	x	x		
233.	Thắt động mạch gan ung thư hoặc chảy máu đường mật	x	x		
234.	Khâu cầm máu gan và dẫn lưu ổ bụng do ung thư gan vỡ	x	x		
235.	Cắt đường mật ngoài gan điều trị ung thư ống mật chủ	x			
236.	Nối mật-Hồng tràng do ung thư	x	x		
237.	Dẫn lưu đường mật ra da do ung thư	x	x		
238.	Đốt nhiệt cao tần khối u ác tính vùng đầu tụy	x			
239.	Cắt đuôi tụy và cắt lách	x	x		
240.	Cắt bỏ khối u tá tụy	x	x		
241.	Cắt thân và đuôi tụy	x	x		
242.	Cắt lách bệnh lý, ung thư, áp xe, xơ lách	x	x		
	I. TIẾT NIỆU-SINH DỤC				
243.	Cắt u bàng quang đường trên	x	x		
244.	Cắt một nửa bàng quang và cắt túi thừa bàng quang	x	x		
245.	Cắt toàn bộ bàng quang, kèm tạo hình ruột - bàng quang	x	x		
246.	Cắt toàn bộ bàng quang và tạo hình bàng quang bằng ruột trong điều trị ung thư bàng quang	x	x		
247.	Cắt nang niệu quản	x	x		
248.	Cắt túi thừa niệu đạo	x	x		
249.	Cắt rộng u niệu đạo, vét hạch	x	x		
250.	Cắt bỏ tuyến tiền liệt kèm túi tinh và bàng quang	x			
251.	Cắt tinh hoàn bằng xạ trị cho điều trị ung thư tinh hoàn	x	x		
252.	Cắt cụt toàn bộ bộ phận sinh dục ngoài do ung thư	x	x		
253.	Cắt cụt toàn bộ bộ phận sinh dục ngoài do ung thư + nạo vét hạch bẹn hai bên	x	x		

254.	Cắt âm vật, vét hạch bẹn 2 bên do ung thư	x	x		
255.	Phẫu thuật lấy dây chằng rộng, u đáy chậu, u tiểu khung	x	x		
256.	Cắt u thận lành	x	x		
257.	Cắt thận và niệu quản do u niệu quản, u đường tiết niệu	x	x		
258.	Cắt bướu nephroblastome sau phúc mạc	x	x		
259.	Cắt ung thư thận có hoặc không vét hạch hệ thống	x	x		
260.	Cắt toàn bộ thận và niệu quản	x	x		
261.	Cắt u sùi đầu miệng sáo	x	x	x	
262.	Cắt u nang thừng tinh	x	x	x	
263.	Cắt nang thừng tinh một bên	x	x	x	
264.	Cắt nang thừng tinh hai bên	x	x	x	
265.	Cắt u lành dương vật	x	x	x	
266.	Cắt bỏ dương vật ung thư có vét hạch	x	x		
	K. VÚ - PHỤ KHOA				
267.	Cắt u vú lành tính	x	x	x	
268.	Mổ bóc nhân xơ vú	x	x	x	
269.	Phẫu thuật cắt một phần tuyến vú	x	x		
270.	Phẫu thuật cắt khối u vú ác tính + vét hạch nách	x	x		
271.	Cắt vú theo phương pháp Patey + Cắt buồng trứng hai bên	x	x		
272.	Phẫu thuật cắt bỏ tuyến vú cải biên (Patey) do ung thư vú	x	x		
273.	Phẫu thuật bảo tồn, vét hạch nách trong ung thư tuyến vú	x	x		
274.	Cắt ung thư vú tiết kiệm da - tạo hình ngay	x	x		
275.	Tái tạo tuyến vú sau cắt ung thư vú	x	x		
276.	Cắt buồng trứng, hai bên phần phụ trong điều trị ung thư vú	x	x		
277.	Sinh thiết hạch gác cửa trong ung thư vú	x	x		
278.	Cắt polyp cổ tử cung	x	x	x	
279.	Thủ thuật xoắn polip cổ tử cung, âm đạo	x	x	x	
280.	Cắt u nang buồng trứng xoắn	x	x	x	
281.	Cắt u nang buồng trứng	x	x	x	
282.	Cắt u nang buồng trứng kèm triệt sản	x	x	x	
283.	Cắt u nang buồng trứng và phần phụ	x	x	x	
284.	Phẫu thuật mở bụng cắt u buồng trứng hoặc cắt phần phụ	x	x	x	
285.	Phẫu thuật mở bụng/nội soi bóc u lành tử cung	x	x	x	
286.	Điều trị u lành tử cung bằng nút động mạch	x	x		
287.	Cắt u xơ cổ tử cung	x	x		
288.	Nạo buồng tử cung chẩn đoán	x	x		
289.	Phẫu thuật cắt polip buồng tử cung	x	x		
290.	Cắt cổ tử cung trên bệnh nhân đã mổ cắt tử cung bán	x	x		

	phần (đường bụng, đường âm đạo)				
291.	Cắt toàn bộ tử cung, đường bụng	x	x		
292.	Cắt tử cung hoàn toàn + 2 phần phụ + vét hạch chậu 2 bên	x	x		
293.	Phẫu thuật Wertheim- Meig điều trị ung thư cổ tử cung	x	x		
294.	Phẫu thuật soi buồng tử cung cắt nhân xơ tử cung dưới niêm mạc, polip buồng tử cung	x	x		
295.	Cắt u tiểu khung thuộc tử cung, buồng trứng to, dính, cắm sâu trong tiểu khung	x	x		
296.	Phẫu thuật vét hạch chậu qua nội soi hỗ trợ cắt tử cung đường âm đạo trong ung thư niêm mạc tử cung	x	x		
297.	Cắt toàn bộ tử cung, hai phần phụ và mạc nối lớn điều trị ung thư buồng trứng	x	x		
298.	Cắt bỏ tạng trong tiểu khung, từ 2 tạng trở lên	x			
299.	Phẫu thuật mở bụng cắt u nang hoặc cắt buồng trứng trên bệnh nhân có thai	x	x		
300.	Cắt ung thư buồng trứng lan rộng	x	x		
301.	Phẫu thuật Second Look trong ung thư buồng trứng	x	x		
302.	Bóc nhân ung thư nguyên bào nuôi di căn âm đạo	x	x		
303.	Mở bụng bóc nhân ung thư nguyên bào nuôi bảo tồn tử cung	x	x		
304.	Cắt âm hộ ung thư, vét hạch bẹn hai bên	x	x		
305.	Cắt bỏ âm hộ đơn thuần	x	x	x	
306.	Cắt u thành âm đạo	x	x	x	
307.	Phẫu thuật tái tạo vú bằng các vật tự thân	x	x		
308.	Phẫu thuật tái tạo vú bằng các chất liệu độn	x	x		
309.	Bóc nang tuyến Bartholin	x	x	x	
	L. PHẦN MỀM-XƯƠNG-KHỚP				
310.	Cắt u thần kinh	x	x		
311.	Cắt u xơ cơ xâm lấn	x	x		
312.	Cắt rộng thương tổn phần mềm do ung thư + cắt các cơ liên quan	x	x		
313.	Cắt u máu khu trú, đường kính dưới 5 cm	x	x	x	
314.	Cắt u máu/u bạch mạch dưới da đường kính từ 5 - 10cm	x	x		
315.	Cắt u máu, u bạch mạch vùng phức tạp, khó	x			
316.	Cắt u máu/u bạch mạch lan toả, đường kính bằng và trên 10cm	x	x		
317.	Cắt ung thư phần mềm chi trên hoặc chi dưới đường kính dưới 5cm	x	x		
318.	Cắt ung thư phần mềm chi trên hoặc chi dưới đường kính bằng và trên 5cm	x	x		
319.	Cắt u lành phần mềm đường kính trên 10cm	x	x		
320.	Cắt u lành phần mềm đường kính dưới 10cm	x	x	x	
321.	Cắt u bao gân	x	x		

322.	Cắt u nang bao hoạt dịch (cổ tay, khoeo chân, cổ chân)	x	x	x	
323.	Phẫu thuật phì đại tuyến vú nam	x	x	x	
324.	Cắt u xương sụn lạnh tính	x	x	x	
325.	Cắt u xương, sụn	x	x		
326.	Cắt chi và vét hạch do ung thư	x	x		
327.	Tháo khớp cổ tay do ung thư				
328.	Cắt cụt cánh tay do ung thư	x	x		
329.	Tháo khớp khuỷu tay do ung thư	x	x		
330.	Tháo khớp vai do ung thư đầu trên xương cánh tay	x	x		
331.	Tháo nửa bàn chân trước do ung thư	x	x		
332.	Tháo khớp cổ chân do ung thư	x	x		
333.	Tháo khớp gối do ung thư	x	x		
334.	Tháo khớp háng do ung thư	x	x		
335.	Cắt cụt cẳng chân do ung thư	x	x		
336.	Cắt cụt đùi do ung thư	x	x		
337.	Cắt u máu trong xương	x			
338.	Bơm xi măng vào xương điều trị u xương	x			
339.	Cắt u nang tiêu xương, ghép xương	x			
340.	Cắt u tế bào khổng lồ, ghép xương	x			
	M. XẠ TRỊ-HOÁ TRỊ LIỆU				
341.	Xạ trị bằng Gamma Knife	x			
342.	Xạ trị bằng X Knife	x			
343.	Xạ trị bằng Cyber Knife	x			
344.	Xạ trị bằng máy gia tốc	x			
345.	Xạ trị bằng máy gia tốc có điều biến liều	x			
346.	Xạ trị bằng máy Rx	x			
347.	Xạ trị bằng tấm áp P32	x			
348.	Xạ trị áp sát xuất liều thấp	x			
349.	Xạ trị áp sát xuất liều cao	x			
350.	Xạ trị bằng nguồn áp sát	x			
351.	Xạ trị bằng các đồng vị phóng xạ	x			
352.	Xạ trị phối hợp đồng thời với hoá trị	x			
353.	Xạ trị bằng máy Cobalt	x	x		
354.	Xạ trị triệu chứng trong di căn ung thư	x	x		
355.	Xạ trị trong mô				
356.	Xạ trị trong mô ung thư vú	x	x		
357.	Xạ trị trong mô ung thư phần mềm				
358.	Xạ trị trong mô ung thư đại trực tràng	x	x		
359.	Xạ trị điều biến liều sử dụng PET/CT mô phỏng	x	x		
360.	Điều trị bướu nhân độc tuyến giáp bằng I ¹³¹	x			
361.	Điều trị bệnh Basedow bằng I ¹³¹	x	x		
362.	Điều trị bướu cổ đơn thuần bằng I ¹³¹	x	x		
363.	Điều trị ung thư tuyến giáp biệt hóa bằng I ¹³¹	x	x		
364.	Hóa trị liều cao				
365.	Hóa trị liều cao kết hợp với truyền tế bào gốc tạo	x			

	máu				
366.	Hóa trị liên tục (12-24 giờ) bằng máy	x			
367.	Truyền hoá chất động mạch	x	x		
368.	Truyền hoá chất tĩnh mạch	x	x		
369.	Truyền hoá chất khoang màng bụng	x	x		
370.	Truyền hoá chất khoang màng phổi				
371.	Truyền hóa chất nội tủy				
372.	Gây dính màng phổi bằng bom hoá chất màng phổi	x	x		
373.	Tiêm hoá chất vào màng bụng điều trị ung thư	x	x		
374.	Tiêm hoá chất vào nhân ung thư nguyên bào nuôi	x	x		
375.	Điều trị ung thư bằng nghiệm pháp gene	x			
376.	Điều trị u máu bằng hoá chất	x	x		
377.	Điều trị dịch trong ung thư	x	x		
	N. KỸ THUẬT KHÁC				
378.	Đổ khuôn chì trong xạ trị	x			
379.	Nong cổ tử cung trước xạ trị	x			
380.	Làm mặt nạ cố định đầu	x			
381.	Truyền ghép tuỷ tủy thân và ngoại lai	x			
382.	Đặt các nguồn xạ vào tổ chức cơ thể	x			
383.	Mô phỏng và lập kế hoạch cho xạ trị ngoài	x			
384.	Mô phỏng và lập kế hoạch cho xạ trị trong	x			
385.	Phẫu thuật lạnh điều trị các khối u nông	x			
386.	Xạ trị buồng trứng trong ung thư vú	x	x		
387.	Rửa âm đạo, cổ tử cung trước xạ trị	x	x		
388.	Xạ phẫu u não bằng dao gamma quay	x	x		
389.	Xạ phẫu u màng não bằng dao gamma quay	x	x		
390.	Xạ phẫu u màng não thất bằng dao gamma quay	x	x		
391.	Xạ phẫu u thân não bằng dao gamma quay	x	x		
392.	Xạ phẫu u tiểu não bằng dao gamma quay	x	x		
393.	Xạ phẫu u tuyến yên bằng dao gamma quay	x	x		
394.	Xạ phẫu u tuyến tùng bằng dao gamma quay	x	x		
395.	Xạ phẫu u sọ hầu bằng dao gamma quay	x	x		
396.	Xạ phẫu u hậu nhãn cầu bằng dao gamma quay	x	x		
397.	Xạ phẫu dị dạng mạch máu não bằng dao gamma quay	x	x		
398.	Xạ phẫu u nguyên bào mạch máu nội sọ bằng dao gamma quay	x	x		
399.	Xạ phẫu u dây thần kinh sọ não bằng dao gamma quay	x	x		
400.	Điều trị đau dây thần kinh số V nguyên phát bằng dao gamma quay	x	x		
401.	Xạ phẫu u thân kinh khứ giác bằng dao gamma quay	x	x		

1. Định nghĩa "phức tạp": xâm lấn tạng lân cận/cần phải tạo hình/vi phẫu/can thiệp mạch máu.